

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung của học phần

1.1 Mã học phần: 2021263	1.2 Tên học phần: Tài chính công
1.3. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh	1.4. Tên tiếng Anh: Public Finance
1.5. Số tín chỉ:	3
1.6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	24 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	21 tiết
- Thực hành	
- Hoạt động theo nhóm	45 tiết
- Tự học:	45 giờ
1.7. Các giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):	
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Nguyễn Bá Hoàng
1.8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần học trước:	Kinh tế vĩ mô
1.9. Đơn vị phụ trách học phần:	Khoa Kinh tế - Tài chính
1.10. Ngành đào tạo:	Tài chính – Ngân hàng

2. Mục tiêu HP

2.1. Mục tiêu chung

- Học phần Tài chính công được thiết kế cho sinh viên khoa tài chính- ngân hàng, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về quản lý hệ thống tài chính nhà nước, hành vi của chính phủ và tác động của nó, do vậy nó có liên quan đến nhiều lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực tài chính- tiền tệ.

- Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức vừa mang tính nguyên lý, vừa mang tính nghiệp vụ cụ thể trong đó tập trung nghiên cứu 4 vấn đề: (1) cơ sở kinh tế của các hành vi can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế; (2) các phương thức can thiệp của Chính phủ; (3) ảnh hưởng của những can thiệp đó đến nền kinh tế; (4) nguồn tài chính để tài trợ cho những hoạt động của chính phủ.

2.2. Mục tiêu HP cụ thể

Hoàn tất học phần này sinh viên có khả năng:

2.2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được cơ sở kinh tế của các hành vi can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế;
- Giải thích được các phương thức can thiệp của Chính phủ; tác động của những can thiệp đó đến nền kinh tế và sự tài trợ cho chi tiêu của chính phủ.

2.2.2. Về kỹ năng:

- Đánh giá tác động của của chính sách công.
- Vận dụng được các kiến thức đã thu nhận được để đánh giá, nhận xét được các tình huống hoạt động thực tế của chính phủ, thách thức của chính phủ trong những điều kiện mới.
- Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chủ động nghiên cứu khoa học và nghiệp vụ về quản lý tài chính nhà nước.
- Có thái độ nghiêm túc đối với việc rèn luyện bản thân để nâng cao kiến thức nghề nghiệp.
- Có suy nghĩ nghiêm túc về trách nhiệm của công dân đối với người làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (HP)

Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CĐR HP	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Hiểu được cơ sở kinh tế của các hành vi can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế
CLO2	Nhận xét được các tình huống hoạt động thực tế của chính phủ, thách thức của chính phủ trong những điều kiện mới.
CLO3	Đánh giá được tác động của của chính sách công
CLO4	Có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả
CLO5	Có thái độ nghiêm túc đối với việc rèn luyện bản thân để nâng cao kiến thức nghề nghiệp
CLO6	Có suy nghĩ nghiêm túc về trách nhiệm của công dân đối với người làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

4. Môi liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (mức M) hay mức thuần thục (H)

Bảng 4.1. Môi liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
CLO1	M	M									
CLO2	L	H									
CLO3	H	H								L	
CLO4						H					
CLO5								M		M	M

CLO6							M		H	M
Tổng hợp HP	M	H				H	M		M	M

5. Đánh giá HP

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 5.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

Đánh giá	Trọng số	Hình thức đánh giá	Nội dung	Trọng số con	Phương pháp đánh giá	Liên quan đến CDR	HD PP đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
(1) Điểm quá trình	40%	Chuyên cần	Tham gia \geq 80% số buổi	20%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Điểm danh
		Kiểm tra giữa kỳ (Tuần 10)	Kiến thức đã học ở các buổi học trước	60%	Bài kiểm tra giữa kỳ	CLO1 CLO2	Bài kiểm tra tự luận
		Kiểm tra thường xuyên	Kiến thức đã học ở các buổi học trước/ngay trong buổi học	20%	Đánh giá hoạt động trên lớp	CLO1 CLO2 CLO3	- Kiểm tra miệng - Hỏi đáp nhanh
(2) Điểm cuối kỳ	60%	Thi cuối kỳ			Bài thi kết thúc HP	CLO1 CLO2 CLO3	Đánh giá qua bài thi gồm 2 phần: Trắc nghiệm và tự luận

b. Chính sách đối với HP

- Điểm Chuyên cần được tính như sau:

Sinh viên tham gia \geq 12 buổi học : 10 điểm;
 10-11 buổi học : 9 điểm;
 08-09 buổi học : 8 điểm;
 06-07 buổi học : 7 điểm;
 04-05 buổi học : 5 điểm;
 \leq 04 buổi học : 0 điểm;

- Điểm Kiểm tra thường xuyên là điểm khuyến khích sinh viên học tập chủ động, sáng tạo trong suốt quá trình học; được cho dưới hình thức điểm cộng hoặc trừ, và được cộng dồn trong cả quá trình học;
- Điểm cuối cùng của Kiểm tra thường xuyên là từ 0 đến 10 (không có điểm âm);
- Sinh viên đạt điểm Kiểm tra thường xuyên $>$ 10 sẽ được cộng phần dư vào điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Bài thi kết thúc HP sẽ dùng để đánh giá mức độ kiến thức đối với HP như sau:
 - + Điểm 4,0-5,4: SV đáp ứng yêu cầu đánh giá ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.
 - + Điểm 5,5-6,9: SV thể hiện được khả năng sử dụng các nội dung lý thuyết khi đưa ra các kết luận trong bài thi.
 - + Điểm 7,0-8,4: SV thể hiện được khả năng lập luận logic, mạch lạc, kết cấu hợp lý được khi đưa ra các kết luận trong bài thi.
 - + Điểm 8,5-10: SV thể hiện được suy duy sáng tạo, tư duy tổng hợp cao trong bài thi; vận dụng được các thông tin và lập luận xác đáng/thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 6.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP

Tuần	Nội dung	Số tiết	CDR của bài học	Liên quan đến CDR	PP giảng dạy đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá
------	----------	---------	-----------------	-------------------	----------------------	-------------------------	------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1: Khu vực công và tài chính công 1.1. Tài chính công và các vấn đề kinh tế vĩ mô 1.2. Trách nhiệm của chính phủ	3	1.1. Trình bày được khái niệm và vai trò của tài chính công 1.2. Phân biệt được khu vực công và khu vực tư 1.3. Nêu được trách nhiệm của chính phủ trong việc giải quyết các thất bại của thị trường	CLO1	-Thuyết giảng kiểu tích cực - Phát ý tưởng	-Nghe giảng - Phát ý tưởng	
2	Chương 2: Hiệu quả và công bằng 2.1. Tối đa hoá thoả dụng trong điều kiện giới hạn	3	2.1. Phân biệt được hàng hoá tư và hàng hoá công 2.2. Nắm vững được cách xác định sản lượng tối đa hoá thoả dụng của cá nhân đối với hàng hoá tư 2.3. Hiểu được cách xác định mức sản lượng tối ưu đối với hàng hoá công	CLO1 CLO2	-Thuyết giảng kiểu tích cực	-Nghe giảng - Đọc trước Chương 2 Hiệu quả và công bằng	Kiểm tra thường xuyên
3	Chương 2: Hiệu quả và công bằng (tt) 2.2. Công bằng xã hội	3	2.4. Nắm vững khái niệm về công bằng xã hội 2.5. Diễn giải được ý nghĩa của vấn đề công bằng xã hội 2.6. Hiểu rõ cách thức chính phủ can thiệp để đảm bảo công bằng xã hội	CLO2	-Thuyết giảng kiểu tích cực -Đặt câu hỏi gợi mở tình huống	-Nghe giảng -Nghiên cứu tình huống GV đưa ra -Thảo luận nhóm	Kiểm tra thường xuyên
4	Chương 3: Phân tích ngân sách nhà nước (NSNN) 3.1. Dự toán NSNN 3.2. Phân cấp NSNN	3	3.1. Hiểu rõ khái niệm NSNN 3.2. Nắm vững vai trò của NSNN 3.3. Hiểu được các phương thức lập dự toán NSNN 3.4. Diễn giải được khái niệm và vai trò của phân cấp NSNN đối với các địa phương	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6	-Thuyết giảng kiểu tích cực - Đặt câu hỏi thảo luận nhóm	-Nghe giảng -Nghiên cứu tình huống do GV đưa ra -Thảo luận nhóm	Kiểm tra thường xuyên
5	Chương 3: Phân tích ngân sách nhà nước (NSNN) 3.3. Nợ và thâm hụt NSNN 3.4. Bội chi NSNN	3	3.5. Hiểu rõ khái niệm thâm hụt NSNN 3.6. Nắm vững được các nguồn tài trợ của chính phủ 3.7. Hiểu rõ khái niệm bội chi NSNN 3.8. Liên hệ thực tiễn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6	-Thuyết giảng kiểu tích cực - Đặt câu hỏi thảo luận nhóm	-Nghe giảng -Nghiên cứu tình huống do GV đưa ra -Thảo luận nhóm	Kiểm tra thường xuyên

(ở cột 3
bảng 5.1

6	Chương 4: Ngoại tác 4.1. Khái niệm về ngoại tác 4.2. Giải pháp của khu vực tư đối với ngoại tác tiêu cực	3	4.1. Diễn giải được khái niệm ngoại tác 4.2. Phân biệt được ngoại tác tích cực và ngoại tác tiêu cực 4.3. Nắm vững cách thức giải quyết vấn đề ngoại tác tiêu cực của khu vực tư	CLO1 CLO2	-Thuyết giảng kiểu tích cực - Đặt câu hỏi thảo luận nhóm	-Nghe giảng -Nghiên cứu tình huống do GV đưa ra	Kiểm tra thường xuyên
7	Chương 4: Ngoại tác (tt) 4.3. Khu vực công và ngoại tác	3	4.4. Phân tích được tình huống liên quan đến ngoại tác tích cực và tiêu cực 4.5. Diễn giải được cách thức khu vực công giải quyết vấn đề ngoại tác tiêu cực	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6	-Thuyết giảng kiểu tích cực - Đặt câu hỏi thảo luận nhóm	-Nghe giảng -Nghiên cứu tình huống do GV đưa ra	Kiểm tra thường xuyên
8	Chương 4: Ngoại tác (tt) 4.4. Phân biệt giữa cách tiếp cận giá cả và số lượng đối với ngoại tác	3	4.6. Hiểu rõ cách thức tiếp cận theo giá cả đối với ngoại tác 4.7. Hiểu được cách thức tiếp cận theo số lượng đối với ngoại tác	CLO3	-Thuyết giảng kiểu tích cực - Nghiên cứu tình huống	-Nghe giảng -Nghiên cứu tình huống do GV đưa ra	Kiểm tra thường xuyên
9	Chương 5: Hàng hoá công 5.1. Cung cấp hàng hoá tư tối ưu	3	5.1. Nắm vững các đặc trưng và bản chất của hàng hoá công 5.2. Hiểu rõ và phân tích được mức cung ứng hàng hoá tư tối ưu	CLO1 CLO2 CLO3	-Thuyết giảng kiểu tích cực - Đặt câu hỏi - Bài tập ứng dụng	-Nghe giảng -Trả lời câu hỏi -Làm bài tập	Kiểm tra giữa kỳ
10	Chương 5: Hàng hoá công (tt) 5.2. Cung cấp hàng hoá công của khu vực tư nhân 5.3. Cung cấp hàng hoá công của khu vực công	3	5.3. Nắm vững cách thức cung cấp hàng hoá công của khu vực tư 5.4. Hiểu rõ và phân tích được cách thức cung cấp hàng hoá công tối ưu của khu vực công 5.5. Liên hệ và giải quyết được tình huống thực tiễn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	-Thuyết giảng kiểu tích cực - Đặt câu hỏi -Nghiên cứu tình huống	-Nghe giảng -Trả lời câu hỏi -Thảo luận nhóm - Đưa ra kết quả thảo luận	Kiểm tra thường xuyên
11	Chương 6: Phân tích lợi ích và chi phí của dự án công 6.1. Đo lường chi phí dự án công 6.2. Đo lường lợi ích dự án công	3	6.1. Nắm vững khái niệm về chi phí, lợi ích của dự án công 6.2. Nắm vững cách thức đo lường chi phí dự án công 6.3. Nắm vững cách thức đo lường lợi ích dự án công 6.4. Liên hệ và giải quyết được tình huống thực tiễn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	-Thuyết giảng kiểu tích cực - Nghiên cứu tình huống -Bài tập ứng dụng	-Nghe giảng - Làm bài tập -Nghiên cứu tình huống do GV đưa ra	Kiểm tra thường xuyên

12	Chương 6: Phân tích lợi ích và chi phí của dự án công (tt) 6.3.Kết hợp chi phí và lợi ích của dự án công	3	6.5.Phân tích kết hợp lợi ích và chi phí của dự án công 6.6. Liên hệ và giải quyết được tình huống thực tiễn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	-Thuyết giảng kiểu tích cực - Nghiên cứu tình huống -Bài tập ứng dụng	-Nghe giảng - Làm bài tập -Nghiên cứu tình huống do GV đưa ra	Kiểm tra thường xuyên
13	Chương 7: Lựa chọn chính sách công 7.1.Sự nhất trí tuyệt đối về mức độ hàng hoá công 7.2.Cơ chế tổng hợp sở thích cá nhân	3	7.1.Trình bày được các tranh luận về mức độ hàng hoá công 7.2.Hiểu rõ cơ chế tổng hợp sở thích cá nhân	CLO1 CLO2 CLO6	-Thuyết giảng kiểu tích cực - Đặt câu hỏi -Nghiên cứu tình huống	-Nghe giảng -Trả lời câu hỏi -Thảo luận nhóm - Đưa ra kết quả thảo luận	Kiểm tra thường xuyên
14	Chương 7: Lựa chọn chính sách công (tt) 7.2.Cơ chế tổng hợp sở thích cá nhân 7.3.Sự thất bại của chính phủ	3	7.3.Hiểu được những thất bại của chính phủ 7.4. Liên hệ và giải quyết được tình huống thực tiễn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5 CLO6	-Thuyết giảng kiểu tích cực - Nghiên cứu tình huống	-Nghe giảng -Nghiên cứu tình huống do GV đưa ra	Kiểm tra thường xuyên
15	ÔN TẬP	3					

7. Học liệu:

Bảng 7.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Jonathan Gruber	2016	Public Finance and Public Policy (5 th edition)	Worth Publisher
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Harvey Rosen	2014	Public Finance (10 th edition)	Richard D. Irwin Publisher
3	Sử Đình Thành và Bùi Thị Mai Hoài	2010	Tài chính công và phân tích chính sách thuế	NXB Lao động

Bảng 7.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 8.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Cơ sở D	Máy chiếu	01	Toàn bộ HP
2	Cơ sở D	Bảng , viết bảng	01	
3	Cơ sở D	Laptop	01	

TP.HCM, ngày tháng năm 2019

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn